

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm

Bà Phạm Thị Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2022/TLST- HS ngày 07 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn P**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/11/1994 tại huyện H, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 4, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Q; con bà: Nguyễn Thị H; vợ con: Chưa có.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 230 ngày 31/10/2013 của TAND huyện Đ xử phạt Hoàng Văn P 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/4/2014 và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35 ngày 21/9/2022 của TAND huyện T xử phạt bị cáo 8 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn P bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2022 theo quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T, tỉnh P Thọ. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P theo Quyết định tạm giam của TAND huyện T, tỉnh P Thọ, có mặt.

Bị hại: Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại Hợp Thành; địa chỉ: Số 9 LK27, Ngõ Thị Nhậm, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Duy T- Giám đốc, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đào Trung K, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Phòng 504, Số 23, Bà Triệu, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 24, ngõ 76, Tân Thụy, phường P, quận L, thành phố H, vắng mặt.

2. Anh Phạm Hữu B, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu 17, xã V, huyện T, tỉnh P, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Phòng 2706, tòa nhà A2, khu đô thị Nam Thăng Long, quận B, thành phố H, có mặt.

4. Chị Nguyễn Thanh Thùy, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu 3, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

5. Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Khu 4, xã P, huyện L.

Đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Quang V - Giám đốc công ty, có mặt.

6. Anh Phan Mạnh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 4, xã P, huyện L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2021, thông qua mạng xã hội Facebook, Hoàng Văn P, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú tại: Khu 4, xã Đan Thượng, huyện H, tỉnh P đọc được quảng cáo của Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại H có địa chỉ: Số 9LK27 Ngõ Thị Nhậm, phường H, quận H, thành phố H do ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1969, hộ khẩu thường trú tại: Số 67C, tổ 9, Mậu Lương phường K, quận H, thành phố H là Giám đốc, đăng tin tìm kiếm đối tác làm ăn trong lĩnh vực sản xuất bê tông thương phẩm nên P nảy sinh ý định lên kế hoạch ký kết hợp đồng làm ăn rồi chiếm đoạt tài sản của Công ty H bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và trang trải nợ nần.

Để tạo niềm tin và thực hiện được mục đích hợp đồng hợp tác và chiếm đoạt tài sản, P đã trực tiếp liên hệ qua điện thoại với ông Nguyễn Duy T và tự giới thiệu mình là Giám đốc Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng A đã từng hoạt động kinh doanh và có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bê tông tươi thương phẩm, đồng thời đề nghị được hợp tác làm ăn. Qua trao đổi hai bên thống nhất sẽ hợp tác làm ăn với nhau, trong đó P góp vốn bằng cách chuẩn bị mặt bằng xây dựng nhà xưởng, tìm kiếm thị trường và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh; còn ông Thành góp vốn bằng tài sản là 01 trạm trộn bê tông công suất 60m³/h và một số tài sản khác cần thiết cho hoạt động vận hành sản xuất.

Để ông T tin tưởng và ký kết hợp đồng, P đã liên hệ với ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1950, thường trú tại khu 12 thị trấn L, huyện L là Giám đốc Công ty TNHH Đ đề nghị cho thuê lại khu đất diện tích 3.200m² tại Cụm công nghiệp H thuộc khu 4, xã P, huyện L và được ông V đồng ý. Ngày 13/8/2021, P và ông V ký hợp đồng thuê 3.200m² đất với giá thỏa thuận 32.000.000đ/tháng và ngày 15/10/2021 ký hợp đồng thuê tiếp 2.800m² đất với giá thỏa thuận 28.000.000đ/tháng, nội dung hợp đồng thể hiện mục đích P thuê đất để sử dụng hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm. Sau khi thuê được mặt bằng, một số lần P đã hẹn và đưa ông T đến vị trí khu đất đã thuê được để ông T tin tưởng ký hợp đồng làm ăn. Tuy nhiên, những lần trực tiếp gặp ông T, P đều giới thiệu bản thân tên là Hoàng Văn C - anh trai của Hoàng Văn P - Giám đốc Công ty A, được Hoàng Văn P cử đến để bàn việc làm ăn với ông T, mục đích nhằm để trốn tránh trách nhiệm nếu như bị phát hiện. Ngày 02/8/2021, P và ông T chính thức ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số T8/2021/HĐHTKD với nội dung thỏa thuận góp vốn như đã nêu trên. Sau khi ký hợp đồng, P điện thoại giục ông T chuyển trạm trộn bê tông đến khu đất để giao cho P tiến hành lắp đặt và tổ chức sản xuất. Tuy nhiên, ông T yêu cầu P phải tổ chức san lấp mặt bằng và xây dựng cơ bản phần đế móng lắp đặt trạm trộn bê tông xong thì ông T mới chuyển trạm trộn bê tông đến. Mặc dù nội dung này không có trong hợp đồng, tuy nhiên P xác định trị giá của

trạm trộn bê tông lớn, nếu để chiếm đoạt và bán được sẽ có nhiều tiền, nên P đồng ý thực hiện theo yêu cầu của ông Thành. Sau đó P đã thuê anh Phan Mạnh T, sinh năm 1975, thường trú tại: khu 4, xã P, huyện L tổ chức san lấp mặt bằng và xây dựng cơ bản nền móng theo yêu cầu của ông T, với số tiền chi phí hết 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ngày 30/9/2021, ông T đã chuyển tổng số 13/14 bộ phận (Còn thiếu bộ phận nồi trộn) của 01 trạm trộn bê tông thương phẩm công suất 60m³/h từ thành phố H về tập kết tại khu đất thuê của ông V và giao cho ông Hoàng Văn K, sinh năm 1960 địa chỉ số 558 đường Hùng V, phường Hùng V, Hồng B, thành phố H là nhân viên của Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại H ở lại trông coi. Toàn bộ quá trình ông K chở máy móc từ H lên L, P thì P đều đứng ra liên lạc với ông K với danh nghĩa là Hoàng Văn C, em trai Hoàng Văn P. Sau đó, P lấy lý do dịch bệnh Covid-19 tại địa bàn huyện L diễn biến phức tạp không thuê được thợ nhằm trì hoãn việc thi công lắp đặt trạm trộn và tìm cách chiếm đoạt số tài sản này. Vì chưa thi công lắp đặt trạm trộn được nên đến ngày 10/11/2021, ông K và Hoàng Văn C (tức P) thông nhất lập “*Biên bản giao nhận tài sản*” đối với các bộ phận kết cấu nên trạm trộn bê tông trên cho Công ty A tiếp tục quản lý trông coi để ông K trở về Công ty làm nhiệm vụ khác.

Ngày 12/11/2021, P đã liên hệ với chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989, ở khu 3, xã P, L để bán sắt vụn. Một lúc sau Thùy cùng Phạm Hữu B, sinh năm 1988 ở khu 19 xã V, T, P đến khu đất của ông V để thỏa thuận mua bán phế liệu. Qua thỏa thuận P đã bán một phần tài sản trạm trộn bê tông cho chị T với giá sắt vụn 10.000 đồng/kg, được số tiền 38.000.000đ. Do trước đó P còn nợ chị T số tiền 30.000.000đ nên chị T đã trừ tiền nợ, còn lại 8.000.000 đồng sẽ trả cho P. P đồng ý và nói cần 1.000.000đ tiền mặt. Chị T đã nhờ anh Phạm Hữu B đưa cho P 1.000.000đ và nhờ anh B chuyển khoản số tiền 7.000.000đ vào số tài khoản 100868101364 ngân hàng Viettinbank của P. Sau khi chuyển tiền xong anh B đi về, còn T ở lại cầu số tài sản mua được lên xe ô tô, còn để lại 01 thùng tép nước, đến ngày 13/11/2021, T đến chở tép nước đi.

Do P chưa thanh toán tiền thuê mặt bằng cho ông Nguyễn Quang V và tiền san lấp mặt bằng, xây dựng nền móng cơ bản cho anh Phan Mạnh T nên ông V và anh T ngăn cản không cho P tiếp tục bán tài sản nữa, yêu cầu P phải thanh toán xong khoản tiền nợ thì mới được mang tài sản đi. Vì vậy, để tiếp tục chiếm đoạt nốt số tài sản còn lại của Công ty H đang để tại khu đất của ông Nguyễn Quang V. Ngày 31/12/2021 P liên hệ với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, thường trú: Số 2706, tòa A2, khu đô thị Nam Thăng Long, phường Đ, Bắc Từ Liêm, thành phố để bán số tài sản, đồng thời gửi hình ảnh các loại tài sản qua mạng xã hội Zalo cho anh T xem, anh T đã đồng ý mua nhưng phải được xem trực tiếp. Cùng ngày tại quán nước vỉa hè ở đường Hà Huy Tập, huyện G, thành phố H, P bảo Đào Trung K, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú tại: Số 23 Bà Triệu, phường H, quận H, thành phố H đứng ra bán hộ P số tài sản còn lại. Khi nhờ, P nói với K “Em lên huyện L, P bán cho anh trạm trộn bê tông, nếu có ai hỏi thì cứ bảo bán cho anh T, khi bán xong thì trả cho ông V 60.000.000 VNĐ tiền thuê đất và cầm số tiền còn lại về cho anh” và P có nói cho K biết trị giá trạm trộn bê tông khoảng 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) với mục đích để K thấy trị giá tài sản cao mà đồng ý đứng ra bán giúp. Đồng thời P hứa xong việc sẽ trả công cho K nhưng không nói sẽ trả cụ thể bao nhiêu tiền. K không hỏi gì thêm và đồng ý thực hiện giúp P. Sau đó P gọi xe taxi cho Kiên đi đến huyện L và cho số điện thoại

của ông V, số điện thoại của anh T để K chủ động liên hệ khi đến nơi. Còn P ở tại H. Theo sự chỉ dẫn của P, khoảng 18 giờ cùng ngày, K đến khu đất của ông V nơi đang đặt các bộ phận trạm trộn bê tông. Khi K gặp ông V và nói “Cháu là người của anh P, cháu lên đây là để bán trạm trộn bê tông của ông T” và để ông V đồng ý, K đã tự viết “Giấy ủy quyền” với nội dung “Tôi là người của anh P đến trả cho ông V 60 triệu và tôi chở hết trạm trộn của anh P đi” rồi đưa lại cho ông V giữ. Sau đó anh T có mặt gặp K và xem tài sản trạm trộn bê tông, sau khi xem xong, anh T trả giá mua vo không cân là 117.000.000đ, riêng tiền thuê xe cẩu và vận chuyển mỗi bên sẽ chịu một nửa. Thấy vậy K gọi điện cho P nói lại và P đồng ý, sau đó K và anh T trực tiếp thống nhất mua bán với nhau, nhưng do không gọi được xe cẩu nên anh T đi về và nói sẽ lên mua sau, K gọi điện thoại lại nói cho P biết. Khi anh T về đến Hà Nội thì P đã liên hệ thuê được xe cẩu và bảo anh T quay lại, đồng thời bảo K đợi tiếp. Sau khi anh T lên đến nơi, K và anh T đã thống nhất lập “Giấy mua bán” thể hiện số tiền thống nhất mua bán là 117.000.000đ và 15.000.000đ tiền thuê xe cẩu, mỗi bên chịu 1 nửa; tuy nhiên sau đó Kiên và anh Trông thống nhất lại cụ thể giá mua bán là 117.000.000đ, riêng tiền xe cẩu và phí vận chuyển do anh T chịu trách nhiệm toàn bộ. Sau khi thống nhất, anh T đã chuyển trả vào số tài khoản 0011004357168 ngân hàng Vietcombank của K 02 lần được 117.000.000đ (Trong đó 01 lần là 85.000.000đ và 01 lần là 32.000.000đ). Theo như cam kết, Kiên sẽ thay P trả cho ông Vang 60.000.000đ để được chở máy móc đi. Tuy nhiên, do được ông V thông báo nên anh Phan Mạnh T cũng có mặt và yêu cầu P phải thanh toán trả số tiền công thuê san lấp mặt bằng và xây dựng nền móng là 50.000.000đ. Thấy vậy, K gọi điện thoại về thông báo cho P, và P cho ý kiến đồng ý thanh toán trả cho anh T. Qua trao đổi thống nhất, anh T đồng ý nhận thanh toán 40.000.000đ. Tổng hai khoản tiền phải trả cho ông V và anh T là 100.000.000đ. Các bên thỏa thuận, K chuyển trả 100.000.000đ này vào tài khoản của anh T và anh T có trách nhiệm trả lại cho ông V. K đã dùng tài khoản số 0011004357168 của ngân hàng Vietcombank để thực hiện chuyển tiền 02 lần tổng số 100.000.000đ vào số tài khoản 02017659381101 Ngân hàng Thương mại cổ phần bưu điện liên việt mang tên anh Phan Mạnh T (Mỗi lần chuyển 50 triệu đồng). Đến sáng ngày 01/01/2022, trước khi hoàn thành việc thống nhất mua bán ban đầu với anh T, K kiểm tra thấy còn một số sắt gỉ không nằm trong thỏa thuận từ trước giữa P với anh T, nên sau khi thống nhất K tiếp tục bán cho anh T với giá 9.000.000đ. Anh T tiếp tục sử dụng số tài khoản trước đó chuyển 9.000.000đ vào số tài khoản ngân hàng của K. Tổng số tài sản K đã giúp P bán cho anh T là 126.000.000đ. Sau đó K về Hà Nội gặp P và nói lại toàn bộ nội dung, diễn biến sự việc như đã nêu trên. Số tiền còn lại là 26.000.000đ, P bảo K cứ cầm và sau đó cả hai đã cùng nhau sử dụng chi tiêu hết. Các tài sản gồm 13/14 bộ phận cấu tạo nên trạm trộn bê tông thương phẩm công suất 60m³/h của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H đến nay không thu hồi được.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã có yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tiến hành định giá tài sản bao gồm 13/14 bộ phận kết cấu nôm một trạm trộn bê tông thương phẩm, công suất 60 m³/h. Bản kết luận định giá số 17 ngày 06/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: Trị giá tài sản thiệt hại (13/14 bộ phận cấu tạo nên trạm trộn bê tông thương phẩm công suất 60m³/h) là 258.750.000đ (Hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra đã xác định được: Hoàng Văn P đăng kí thành lập Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng A ngày 21/01/2019, Công ty có địa chỉ tại thôn 3 xã Trung Mậu, huyện G, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty mới chỉ nộp 2.000.000đ thuế môn bài năm 2019, sau đó nợ thuế và đã bị Chi cục Thuế huyện Gia Lâm ra thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng ngày 22/4/2020; thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký ngày 04/3/2020. Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo tình hình hoạt động ngày 22/7/2021. Thực tế, thì doanh nghiệp của P làm ăn thua lỗ và đã ngừng hoạt động kinh doanh từ năm 2021, nhưng P vẫn tiếp tục lấy danh nghĩa Giám đốc Công ty để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H.

Về vật chứng, tài sản đã thu giữ: Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 (một) dấu tròn bằng nhựa, màu đỏ, kích thước 5,5x5,5x11cm mang tên công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng An Pc. 01 (một) con dấu chức danh màu đỏ, kích thước 6x3x6,8cm mang tên Giám đốc Hoàng Văn P.

- Về dân sự: Sau khi xảy ra sự việc gia đình của Đào Trung K đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 13.000.000đ là số tiền mà K và P đã cùng nhau chi tiêu trong tổng số 26.000.000đ còn lại sau khi bán được tài sản bộ phận trạm trộn bê tông, để khắc phục một phần hậu quả cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H. Cơ quan điều tra đã nộp số tiền 13.000.000đ vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện L theo quy định của pháp luật. Đến nay, Hoàng Văn P chưa thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H.

Về tình trạng thu nhập và tài sản của bị cáo: Qua xác minh xác định, bị cáo P không có tài sản riêng có giá trị.

Cáo trạng số: 44/CT -VKSLT ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh P Thọ truy tố bị cáo Hoàng Văn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 08 (Tám) năm 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/3/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn P.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Buộc Hoàng Văn P phải bồi thường tổng số tiền 344.750.000 (Ba trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do nghĩa vụ chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS.

Trả cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng);

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dấu tròn bằng nhựa, màu đỏ, kích thước 5,5x5,5x11cm mang tên công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng A và 01 (một) con dấu chức danh màu đỏ, kích thước 6x3x6,8cm mang tên Giám đốc Hoàng Văn P.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự trong vụ án hình sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải chịu 17.237.500đ (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 12/2021, mặc dù không có khả năng tài chính và nguồn lực để thực hiện đầu tư kinh doanh nhưng Hoàng Văn P đã lợi dụng danh nghĩa là Giám đốc TNHH đầu tư thương mại và xây dựng A để có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H 13/14 bộ phận kết cấu của trạm trộn bê tông thương phẩm, công suất 60 m³/h sau đó P đem bán số tài sản này lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Trị giá tài sản chiếm đoạt theo kết quả định giá là 258.750.000đ (Hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

2...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng... ”

2. ... ”

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến khách thể được

luật hình sự bảo vệ là quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự trị an trên địa bàn và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo ra xét xử và có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013 đã bị TAND huyện Đông Anh xử phạt 08 (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó là bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm. Ngày 21/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xử phạt bị cáo 8 (Tám) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự. Bản án chưa có hiệu lực pháp luật, điều đó chứng tỏ sự coi thường pháp luật của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội cần xử phạt Hoàng Văn P mức án nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có đủ sức dấn dè, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, bị cáo còn có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Quá trình điều tra xác định bị cáo không có tài sản gì ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại yêu cầu bồi thường về giá trị thiệt hại và tiền cước xe tổng cộng là 900.000.000 đ (Chín trăm triệu đồng). Đối với phần thiệt hại giá trị sản xuất, kinh tế trong thời gian qua, bị hại không có yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện của bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường phần thiệt hại thực tế của công ty bao gồm là 258.750.000đ (Hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt theo giá của Hội đồng định giá và tiền cước xe theo hợp đồng vận chuyển trạm trộn bê tông với Công ty N là 99.000.000 đồng (Chín mươi chín triệu đồng). Tổng cộng là 357.750.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Xét yêu cầu của bị hại tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận. Tuy nhiên, Đào Trung K đã tự nguyện nộp số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu đồng) cùng chi tiêu với P với mục đích khắc phục hậu quả cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H. Do đó, số tiền này được trả cho

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H và trừ vào số tiền Hoàng Văn P phải bồi thường. Như vậy, Hoàng Văn P còn phải bồi thường cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H số tiền là 344.750.000 (Ba trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[6] Về xử lý vật chứng, tài sản: Đối với 01 (một) dấu tròn bằng nhựa, màu đỏ, trên thân vỏ có in chữ “trodat printy 4924” kích thước 5,5x5,5x11cm của công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng A và 01 (một) con dấu chức danh màu đỏ, kích thước 6x3x6,8cm mang tên giám đốc Hoàng Văn P là công cụ thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), Đào Trung K đã tự nguyện nộp tại để khắc phục hậu quả cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H nên cần trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H là phù hợp.

- Đối với Đào Trung K: Trong vụ án này, Đào Trung K không được P bàn bạc, trao đổi kế hoạch, thống nhất ý chí, mục đích phạm tội chiếm đoạt tài sản của Công ty H. Khi được P nhờ đứng ra bán hộ số bộ phận trạm trộn bê tông còn lại cho anh T, K không biết đó là tài sản do P đã phạm tội mà có. Mặt khác, P cũng không nói cho Kiên biết nguồn gốc về số tài sản đó do P đã chiếm đoạt được của người khác. Do vậy, hành vi của Đào Trung K không đồng phạm với Hoàng Văn P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không đủ yếu tố cấu thành phạm tội trong các tội danh khác có liên quan về tài sản nên không có căn cứ xử lý đối với Đào Văn K.

- Đối với chị Nguyễn Thị T, Phạm Hữu B và anh Nguyễn Văn T là những đã mua lại số tài sản của công ty H với giá sát vụn do bị cáo P giao bán. P không nói cho T, B và T biết số tài sản đó do P đã chiếm đoạt của người khác mà có, mặt khác T và T không biết tài sản do P đã phạm tội mà có. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với ông Nguyễn Quang V và anh Phan Mạnh T là những người được P sử dụng nguồn tiền bán số tài sản do phạm tội mà có để trả nợ. Tuy nhiên ông V và anh T cũng không biết nguồn gốc tiền P trả nợ cho ông V và anh T là do P phạm tội mà có. Bản thân ông V là chủ lô đất mà P thuê, quá trình P bán trạm trộn bê tông, mặc dù ông V có hành vi ngăn cản không cho P di dời, đem tài sản đi nhằm mục đích buộc P phải trả nợ cho mình trước, nhưng ông V cũng không biết trạm trộn bê tông mà P đem bán không phải là tài sản của P. Do đó, cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều a Khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333

của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 08 (Tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 19/3/2022 theo quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh P.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn P.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Hoàng Văn P phải bồi thường tổng số tiền 344.750.000 (Ba trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do nghĩa vụ chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại H số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng);

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dấu tròn bằng nhựa, màu đỏ, trên thân vỏ có in chữ “trodaprinty 4924” kích thước 5,5x5,5x11cm của công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng A và 01 (một) con dấu chức danh màu đỏ, kích thước 6x3x6,8cm mang tên giám đốc Hoàng Văn P.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/9/2022 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L và Chi cục thi hành án dân sự huyện L)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự trong vụ án hình sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải chịu 17.237.500đ (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự Phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ, huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang

